

Số: 22/2020/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 09 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ nguồn vốn đầu tư công năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 5269 /TTr-UBND ngày 24/11/2020, Báo cáo số 220/BC-
UBND ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Tán thành Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư
phát triển năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ đầu tư phát triển năm
2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời phân bổ nguồn vốn đầu tư
công năm 2021 cụ thể như sau:**

1. Về nguồn vốn đầu tư

Tổng số vốn đầu tư công kế hoạch năm 2021 là 2.750.246 triệu đồng (theo
Nghị quyết số 129/2020/QH14 của Quốc hội và thông báo của Bộ Kế hoạch và
Đầu tư), bao gồm:

a) Vốn Ngân sách Trung ương 1.510.426 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn trong nước đầu tư theo ngành lĩnh vực 994.800 triệu đồng;
- Vốn nước ngoài ODA cấp phát từ NSTW là 515.626 triệu đồng.

b) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương 1.239.820 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn cân đối theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ: 534.620 triệu đồng;
- Thu tiền sử dụng đất: 650.000 triệu đồng (trong đó điều tiết cho ngân sách huyện, xã 378.000 triệu đồng; chi dự án môi trường, lập hồ sơ địa chính và các nhiệm vụ chi khác: 272.000 triệu đồng).
- Tiền thu xổ số kiến thiết: 22.000 triệu đồng.
- Bội thu ngân sách nhà nước: 33.200 triệu đồng.

2. Nguyên tắc, tiêu chí bố trí kế hoạch

a) Đảm bảo đúng quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, phù hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Kế hoạch đầu tư năm 2021 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân, cân đối nguồn vốn đầu tư của các cấp ngân sách trong năm 2021; gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021 với cơ cấu lại đầu tư công đến năm 2025.

c) Nguyên tắc, tiêu chí cụ thể phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 cho các dự án của các ngành, lĩnh vực và các cấp như sau:

- Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);
- Bố trí thu hồi vốn ứng trước ngân sách trung ương, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn đối ứng ODA, vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; thực hiện nhiệm vụ theo Luật Quy hoạch;
- Bố trí các công trình, dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; các công trình chuyển tiếp có khả năng hoàn thành trong năm 2021;
- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới, chỉ bố trí các dự án ưu tiên, cấp bách và có đủ thủ tục đầu tư.

3. Phương án phân bổ chi tiết

a) Vốn Ngân sách Trung ương: tổng số 1.510.426 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn trong nước 994.800 triệu đồng, trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước 34.650 triệu đồng, vốn đầu tư theo ngành lĩnh vực 960.150 triệu đồng;
- Vốn nước ngoài ODA cấp phát từ NSTW 515.626 triệu đồng.

(Sau khi có hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh)

b) Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: tổng số 1.239.820 triệu đồng, bao gồm:

- Phần vốn ngân sách tỉnh phân bổ 861.820 triệu đồng (bao gồm: Vốn ngân sách tỉnh qua cân đối 534.620 triệu đồng; nguồn tiền đất theo tỷ lệ điều tiết ngân sách tỉnh, huyện 272.000 triệu đồng; nguồn xổ số kiến thiết 22.000 triệu đồng xổ số; nguồn bội thu NSDP 33.200 triệu đồng), cụ thể như sau:

+ Thực hiện các chương trình, nhiệm vụ theo quy định; trả nợ vốn vay, vốn đối ứng ODA 171.700 triệu đồng, bao gồm: Trả các khoản vay lại nước ngoài của Chính phủ: 22.700 triệu đồng; trả nợ Ngân hàng phát triển: 41.000 triệu đồng; Trả nợ cầu Đồng Quang: 30.000 triệu đồng; lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: 50.000 triệu đồng; quy hoạch tỉnh 10.000 triệu đồng; Đối ứng ODA: 13.000 triệu đồng; thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông 5.000 triệu đồng.

+ Bố trí các công trình, dự án 690.120 triệu đồng, trong đó: Công trình quyết toán, công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn 302.434 triệu đồng; công trình chuyển tiếp và khởi công mới 387.686 triệu đồng, trong đó công trình khởi công mới cấp tỉnh 22.000 triệu đồng.

- Phần ngân sách huyện, xã phân bổ (từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo tỷ lệ điều tiết) 378.000 triệu đồng: Bố trí đảm bảo theo tiêu chí, nguyên tắc chung, dành một phần kinh phí bố trí công tác xử lý, bảo vệ môi trường và lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Danh mục, mức vốn bố trí các chương trình, dự án như phụ biểu ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết;

a) Sau khi có chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của bộ, ngành, trung ương, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi phân bổ chi tiết 1.510.426 triệu đồng vốn đầu tư ngân sách Trung ương (trong đó vốn trong nước 994.800 triệu đồng; vốn

nước ngoài ODA cấp phát 515.626 triệu đồng); tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất;

b) Chủ động rà soát, cắt giảm vốn đối với các dự án triển khai chậm, bổ sung vốn cho các dự án đối ứng ODA, các dự án có khối lượng hoàn thành cao, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch được giao.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XVIII, Kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./. *z*

Nơi nhận:

- UBTVQH, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (các Bộ: KH&ĐT, Tài chính);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, TH (LƯU b). *z*

CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2019		Năm 2020		Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)			Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	TH 20/TH 19	TH 20 / KH 20	KH 21/TH 20	
	Tổng số	29.403.360	28.776.733	30.800.000	21.059.336	30.900.300	32.710.660	107	100	106
I	Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	5.998.318	5.644.574	6.450.000	4.508.895	6.819.300	7.258.946	121	106	106
1	Kốn ngân sách Trung ương	1.384.693	1.092.759	1.781.701	944.300	1.752.900	2.310.426	160	98	132
-	Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương	502.520	493.313	686.900	370.500	716.900	994.800	145	104	139
-	Vốn nước ngoài ODA cấp phát từ ngân sách trung ương	500.910	223.984	293.400	186.200	250.000	515.626	112	85	206
-	Chương trình mục tiêu quốc gia	381.263	375.462	801.401	387.600	786.000	800.000	209	98	102
2	Vốn đầu tư ngân sách tỉnh	1.212.019	1.212.019	1.189.820	923.407	1.189.820	1.239.820	98	100	104
-	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung	439.419	439.419	511.520	468.200	511.520	534.620	116	100	105
-	Thu tiền sử dụng đất	600.000	600.000	600.000	386.107	600.000	650.000	100	100	108
-	Thu xổ số kiến thiết	22.000	22.000	22.000	12.800	22.000	22.000	100	100	100
-	Bội thu ngân sách địa phương	150.600	150.600	56.300	56.300	56.300	33.200	37	100	59
3	Vốn đầu tư khác qua cân đối ngân sách tỉnh (bao gồm kéo dài, bổ sung trong năm)	639.920	639.920	650.000	620.000	950.000	780.000	148	146	82
4	Vốn đầu tư ngân sách huyện xã	1.163.543	1.163.543	1.279.000	718.400	1.350.000	1.290.000	116	106	96
5	Vốn đầu tư của bộ, ngành, Doanh nghiệp nhà nước	1.598.143	1.536.333	1.549.479	1.302.788	1.576.580	1.638.700	103	102	104
II	Vốn đầu tư doanh nghiệp, tổ chức kinh tế	13.834.148	13.661.266	14.421.700	9.661.229	13.698.145	15.251.714	100	95	111
1	Đầu tư của Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong nước (DDI)	8.902.965	8.279.547	8.731.700	5.910.706	8.498.145	9.099.514	103	97	107
2	Đầu tư nước ngoài (FDI và góp vốn, mua cổ phần)	4.931.183	5.381.719	5.690.000	3.750.523	5.200.000	6.152.200	97	91	118
III	Vốn đầu tư khác (tín dụng đầu tư, tư nhân, dân cư)	9.570.893	9.470.893	9.928.300	6.889.212	10.382.855	10.200.000	110	105	98

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
	TỔNG SỐ (A+B)	2.140.120	2.750.246	
A	Vốn ngân sách trung ương	950.300	1.510.426	Phân bổ giao sau
I	Vốn trong nước	656.900	994.800	
	Vốn Hỗ trợ mục tiêu theo tiêu chí, định mức	656.900	994.800	Trong đó, thu hồi ứng trước 34,65 tỷ đồng NSTW chưa thu hồi trong kế hoạch 2016 - 2020)
1	Vốn đầu tư theo ngành lĩnh vực, chương trình mục tiêu	382.400	994.800	
2	Dự phòng chung kế hoạch trung hạn và khoản điều chuyển từ các dự án quan trọng quốc gia	274.500		
II	Vốn nước ngoài ODA	293.400	515.626	
B	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	1.189.820	1.239.820	
-	Cân đối ngân sách địa phương	511.520	534.620	
-	Thu tiền sử dụng đất	600.000	650.000	
	+ Điều tiết cho ngân sách huyện và xã	343.000	378.000	
	+ Điều tiết ngân sách tỉnh	257.000	272.000	
-	Thu xổ số kiến thiết	22.000	22.000	
-	Bội thu ngân sách địa phương	56.300	33.200	

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NSTW NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.510.426	Sau khi có hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, giao UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ, báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ, Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.
1	Vốn trong nước	994.800	
	Vốn HTMT theo tiêu chí, định mức (theo QĐ số 26/2020/QĐ-TTg)	994.800	
-	Vốn thu hồi ứng trước (Dự án Phát triển toàn diện KTXH các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng-Hợp phần dự án tại TP Việt Trì)	34.650	
-	Vốn đầu tư theo ngành lĩnh vực, chương trình mục tiêu	960.150	
2	Vốn nước ngoài ODA	515.626	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XDCB TẬP TRUNG) NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	 Quyết định đầu tư	Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
A	TỔNG SỐ VỐN GIAO						1.239.820	
	Trong đó:							
1	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung						534.620	
2	Thu tiền sử dụng đất						650.000	
	+ Điều tiết cho ngân sách huyện và xã						378.000	
	+ Ngân sách tỉnh được hưởng						272.000	
3	Thu xổ số kiến thiết						22.000	Chi tiết tại Biểu số 06
4	Bội thu ngân sách địa phương						33.200	
B	KẾ HOẠCH PHÂN BỐ						1.239.820	
*	Điều tiết cho ngân sách huyện và xã						378.000	
*	Ngân sách tỉnh được hưởng (Các nguồn cân đối qua ngân sách tỉnh: Nguồn đầu tư XDCB tập trung + Tiền sử dụng đất + Tiền xổ số kiến thiết + Tiền bội thu ngân sách địa phương)						861.820	
I	THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP TỈNH						571.820	
1	Trả các khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính Phủ						22.700	
2	Trả nợ Ngân hàng Phát triển						41.000	Trong đó, Bội thu NSDP: 33.200
3	Trả nợ hợp đồng BT cầu Đồng Quang						30.000	
4	Chi lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất						50.000	
5	Bố trí triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050						10.000	
6	Đề án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông						5.000	
7	Đổi ứng các dự án ODA						13.000	Chi tiết tại mục C
8	Các công trình, dự án cấp tỉnh						400.120	Chi tiết tại mục C
*	Công trình quyết toán, hoàn thành chờ quyết toán, công trình, dự án chuyển tiếp						378.120	

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
*	Công trình, dự án khởi công mới							22.000	
II	HỖ TRỢ LỒNG GHÉP THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP HUYỆN (Hỗ trợ lồng ghép các nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các công trình giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, trạm y tế, trường học đạt tiêu chí nông thôn mới và hỗ trợ thanh toán các công trình, dự án hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ nguồn để nâng cao tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới)							290.000	Chi tiết tại mục C
C	BỐ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN (I.7+I.8+II)							703.120	
I.	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA				2.072.183	1.996.838	101.514	13.000	
-	Dự án Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - Hợp phần dự án tại thành phố Việt Trì	Giao thông	2036/QĐ-UBND ngày 28/9/2011	1.101.760	1.048.069	1.015.039	33.030	3.800	UBND thành phố Việt Trì
-	Chương trình phát triển Giáo dục trung học giai đoạn 2	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2681/QĐ-BGDĐT ngày 04/8/2016	0	0	0	0	1.200	Sở Giáo dục và Đào tạo
-	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2018-2020 EU tài trợ	Công nghiệp - Khu cụm công nghiệp	1651/QĐ-TTg ngày 27/10/2017; 3337/QĐ-BCT ngày 17/9/2018; 729/QĐ-UBND ngày 5/4/2019	123.529	61.500	106.000	17.520	1.000	Sở Công Thương
-	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2016	235.476	155.114	143.677	15.964	2.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải TP Việt Trì	Tài nguyên - Môi trường	309/QĐ-UBND, 2/2/2010; 2737/QĐ-UBND, 29/10/2013; 3538/QĐ-UBND ngày 17/12/2018	841390	780.000	710.248	27.000	3.000	Công ty CP Cấp nước Phú Thọ
-	Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7)	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	1357/QĐ-BNN-XD ngày 19/6/2014	23.815	19.000	18.674	3.000	1.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	4638/QĐ-BNN-HTQT, 09/11/2015; 673/QĐ-UBND, 24/3/2016; 437/QĐ-UBND ngày 05/3/2020	29.509	8.500	3.200	5.000	1.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
II	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC				9.021.141	6.025.322	5.357.655	1.680.622	690.120

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư	Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)	
1	Giao thông			5.248.052	3.519.134	3.229.348	925.146	368.609	
*	Công trình quyết toán, hoàn thành chờ quyết toán			2.825.334	2.214.099	2.152.337	58.707	42.743	
-	Đường sơ tán dân thuộc các xã Bảo Yên, Sơn Thủy, Tát Thẳng	Giao thông	Số 1285/QĐ-UBND ngày 09/6/2014; 1149/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	35.017	35.017	27.655	7.362	7.362	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo, nâng cấp đường nối QL2 (Ngã ba Đền Hùng) đến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc địa phận xã Hùng Lô, TP Việt Trì (323B).	Giao thông	QĐ số 308/QĐ-UBND ngày 12/02/2014	52.537	43.073	41.600	1.473	1.473	Sở Giao thông vận tải
-	Cải tạo, nâng cấp đường Chiến thắng sông Lô	Giao thông	539/QĐ-UBND ngày 05/3/2008; 230/QĐ-UBND, 04/2/09; 3451/QĐ-UBND, 22/10/09; 1511/QĐ-UBND, 31/5/10; 1765/QĐ-UBND ngày 20/7/2016	718.884	486.190	477.708	6.079	6.079	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Đường sơ tán dân thuộc các huyện Cẩm Khê, Yên Lập, Thanh Sơn	Giao thông	231/QĐ-UBND ngày 4/2/2009; 497/QĐ-UBND ngày 01/3/2010; 1795/QĐ-UBND ngày 23/5/11	550.400	520.860	518.767	2.093	910	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Đường Sơ tán dân đoạn Hương Nộn, Thọ Văn Quốc lộ 32A	Giao thông	1798/QĐ-UBND, 21/6/2010; 503/QĐ-UBND, 01/3/2012	84.854	21.895	20.798	1.097	1.097	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Đường nối từ nút giao IC-9 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến đường 35m thị xã Phú Thọ	Giao thông	QĐ số 596/QĐ-UBND ngày 26/6/2015	115.946	98.167	96.750	1.417	1.417	Sở Giao thông vận tải
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tuyến Yên Lương - Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn	Giao thông	1782/QĐ-UBND ngày 16/7/2013	66.921	42.682	40.595	2.087	1.700	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Tuyến đường giao thông nông thôn liên xã đoạn Đào Xá - Hoàng Xá, thuộc huyện Thanh Thủy	Giao thông	1933/QĐ-UBND ngày 02/8/2013	306.393	190.205	189.500	705	705	Sở Giao thông vận tải
-	Tuyến đường từ trung tâm xã Xuân Áng qua khu vực hồ Hàm Kỳ đến khu dân cư số 11, xã Xuân Áng, huyện Hạ Hoà (gói thầu xây lắp số 10)	Giao thông	3353/QĐ-UBND ngày 23/12/2019	18.874	18.874	16.390	2.484	1.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Đường giao thông liên huyện Thanh Thủy, Thanh Sơn thuộc địa bàn huyện Thanh Thủy	Giao thông	526/QĐ-UBND ngày 16/3/2015	57.568	48.820	47.260	1.500	1.000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Dự án đường nối QL320 với QL70 và xây dựng cầu Hạ Hòa	Giao thông	523/QĐ-UBND ngày 8/3/2007; 1268/QĐ-UBND ngày 24/5/2013	573.636	471.564	469.274	4.622	2.400	Sở Giao thông vận tải

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Đường trục chính (từ Khu 1 đi Khu 3) xã Bằng Luân, huyện Đoàn Hùng	Giao thông	3494/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	14.553	13.957	10.100	3.857	3.500	UBND huyện Đoàn Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp đường huyện tuyến Tiên Lương, Phượng Vỹ, huyện Cẩm Khê	Giao thông	3145//QĐ-UBND ngày 31/12/2016; 1252/QĐ-UBND ngày 11/6/2018	14.937	14.937	9.411	3.658	1.000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Đường Phù Đồng (đoạn từ nút giao D8 đến nút giao với đường Trường Chinh)	Giao thông	3026/QĐ-UBND ngày 28/9/2011; 1494/QĐ-UBND ngày 03/7/2015	150.000	145.700	145.700	4.300	3.300	UBND thành phố Việt Trì
-	Cải tạo, sửa chữa ngõ 186, đường Lê Quý Đôn, Ngõ 457 đường Châu Phong, thành phố Việt Trì	Giao thông	3143/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	1.777	1.777	1.200	577	450	UBND thành phố Việt Trì
-	Cầu treo bến Gạo, xã Văn Luông, huyện Tân Sơn	Giao thông	4699/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.680	8.680	6.000	2.680	1.500	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trại Thán đoạn từ nhà ông Trường đi Tiên Phú	Giao thông	2190/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	7.777	7.550	4.427	3.123	500	UBND xã Trại Thán, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ dốc gốc vại khu bãi giã đi khu Đồng Mãng, xã Trung Sơn, huyện Yên Lập	Giao thông	1950 ngày 26/10/2018; 2507 ngày 15/10/2019; 2986/QĐ-UBND, 11/12/2019	6.977	6.977	4.327	2.650	1.650	UBND huyện Yên Lập
-	Đường giao thông nông thôn xã Hưng Long, huyện Yên Lập	Giao thông	93/QĐ-UBND ngày 01/11/2018	535	535	135	400	400	UBND xã Hưng Long, huyện Yên Lập
-	Đường giao thông vào khu Trung tâm Đầm Ao Châu	Giao thông	3687/QĐ-UBND, 31/10/2014; 6004/QĐ-UBND, 29/12/2016	9.520	7.616	2.740	2.323	1.100	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT liên xã Tình Cương đi Văn Khúc, huyện Cẩm Khê	Giao thông	2613/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	14.920	14.523	11.500	1.320	1.300	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường tránh thị trấn Sông Thao đoạn từ Bưu điện đi Bến xe và từ ngã ba thủy nông qua Bến xe đi Q1 32C (Gói thầu số 2)	Giao thông	2283/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 và 1333/QĐ-UBND ngày 19/6/2018	14.628	14.500	10.500	2.900	2.900	UBND huyện Cẩm Khê
*	Công trình, dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới			2.422.718	1.305.035	1.077.011	866.439	325.866	
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 317C đoạn Km0+00 - Km6+600	Giao thông	1761/QĐ-UBND ngày 22/7/2019	195.000	100.000	56.198	120.000	12.000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Đường giao thông nối từ ĐT.316B tại thị trấn Hưng Hóa đến xã Dâu Dương, huyện Tam Nông	Giao thông	1318/QĐ-UBND ngày 12/6/2019	59.716	56.730	37.000	19.730	7.480	UBND huyện Tam Nông
-	Sửa chữa hư hỏng nền đường, mặt đường và công trình trên ĐT.323D	Giao thông	2026/QĐ-UBND ngày 15/8/2018	57.306		21.000	9.880	8.000	Sở Giao thông vận tải



STT		Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Nâng cấp, cải tạo đường huyện P1, huyện Phù Ninh (đoạn từ khu 2, xã Trung Giáp đi ĐT.323 D và ĐT.323E)	Giao thông	2707/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	32.500	10.050	10.000	8.500	1.000	UBND huyện Phù Ninh
-	Tuyến đường S2 khu công nghiệp Thụy Vân	Giao thông	2635/QĐ-UBND ngày 18/10/2016	29.496		22.200	3.352	3.352	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh
-	Sửa chữa ĐT.313C đoạn KM14+900-Km22+00	Giao thông	377/QĐ-UBND ngày 25/02/2019	14.999		13.602	1.397	1.000	Sở Giao thông vận tải
-	Đường Thụy Vân - Thanh Đình - Chu Hóa, thành phố Việt Trì (đối với phần khối lượng xây dựng hoàn chỉnh nền đường, mặt đường, hệ thống thoát nước)	Giao thông	3001/QĐ-UBND ngày 09/11/2017	180.346	177.485	166.637	10.848	3.000	UBND thành phố Việt Trì
-	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 314 đoạn Thanh Ba-Hương Xá	Giao thông	2246/QĐ-UBND ngày 23/9/2014	264.212	248.051	234.384	10.800	7.000	Sở Giao thông vận tải
-	Đường giao thông kết hợp di dời dân tránh lũ quét thuộc các xã phía Tây Nam, huyện Đoan Hùng	Giao thông	3317/QĐ-UBND ngày 21/10/2011	128.225	116.341	110.000	6.341	845	UBND huyện Đoan Hùng
-	Xây dựng cầu Kiệt Sơn tại km1+980 đường tỉnh 316I để khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo ATGT trong mùa mưa lũ, thuộc địa bàn huyện Tân Sơn	Giao thông	2709/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	28.737	13.041	10.000	18.737	2.000	Sở Giao thông vận tải
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trường tiểu học Tu Vũ kết nối đường tỉnh lộ 317	Giao thông	2774/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	13.000	1.560		6.000	2.000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Nâng cấp đường thị trấn Cẩm Khê đầu nối từ Quốc lộ 32C đến đường tỉnh lộ 313	Giao thông	4289/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	15.000			8.000	4.000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Nâng cấp, cải tạo đường huyện 62 (đoạn từ đường tỉnh 314 đi UBND xã Gia Diên)	Giao thông	3672/QĐ-UBND, 06/10/2020	14.500			6.000	2.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thủy sản đoạn từ Cầu Ông Cận đi Cầu Thanh Niên xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	Giao thông	2617/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	14.850	2.228	1.500	13.350	1.000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường nối từ QL.32C với QL.2D, xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao	Giao thông	4120/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	14.869	4.500	4.000	10.869	4.000	UBND huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Khả Cửu, huyện Thanh Sơn (đoạn từ khu Vạch đi Bản Suối Lú)	Giao thông	5064/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	14.725	6.000	1.000	5.000	2.000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thị: Tuyến Bạch Đằng, Phú Bình, Cao Du, Nhật Tân, Sa Đéc, Long Xuyên, Võ Thị Sáu, Lê Quý Đôn	Giao thông	4638/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.900			6.000	3.500	UBND thị xã Phú Thọ
-	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ 314C đi trung tâm xã Phương Linh, huyện Thanh Ba	Giao thông	2900/QĐ-UBND ngày 21/10/2019; 1057/QĐ-UBND ngày 06/4/2020	14.980	6.623	6.500	8.480	4.500	UBND huyện Thanh Ba

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh (đoạn từ QL2 đi khu 1 Hồ He)	Giao thông	3225/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	13.147	13.147	6.500	5.000	2.000	UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông Tuy Lộc - Ngô Xá - Phụng Vỹ, huyện Cẩm Khê	Giao thông	3155/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	14.991	9.500	3.500	6.000	3.000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Yên Lương, huyện Thanh Sơn (đoạn từ chợ Đón đi Hạ Thành)	Giao thông	5051/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	13.896	8.000	3.000	10.000	2.500	UBND xã Yên Lương, huyện Thanh Sơn
-	Tuyến đường GTNT từ xóm Đái xã Long Cốc đi xóm Tân Lập, xã Minh Đái, huyện Tân Sơn	Giao thông	4961/QĐ-UBND ngày 08/9/2020	14.900	5.000	500	6.000	1.500	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ Đồi Bông xã Long Cốc đi khu Đồng Tún xã Văn Luông, huyện Tân Sơn	Giao thông	5824/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	14.600			5.000	3.000	UBND huyện Tân Sơn
-	Đường giao thông nội thị thị trấn Hạ Hòa (Đoạn từ đường Tổ Hữu đi đường vào khu du lịch Ao Châu)	Giao thông	4456/QĐ-UBND, 23/10/2020	13.660			5.000	1.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã tuyến Cát Trù - Điều Lương, huyện Cẩm Khê	Giao thông	2309/QĐ-UBND, 25/9/2015	14.977	14.229	11.000	2.606	2.600	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Sơn Tinh, xã Lương Sơn đi khu Đồng Ve, xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập	Giao thông	1444/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	14.947	13.079	9.290	3.789	3.780	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp mặt đường các tuyến đường nội thị: Phú An, Phú Hà, Nguyễn Du, Lê Đồng, Nguyễn Quang Bích, Đền Đơm, Hòa Bình, Lê Văn Hưu, Nguyễn Khuyến	Giao thông	4639/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.900			12.000	5.000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ Tỉnh lộ 325B đi Chùa Quan Mạc khu 5, xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao	Giao thông	5133/QĐ-UBND ngày 02/10/2020	11.800			5.000	4.000	UBND xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện ĐH80 thuộc địa phận xã Hồng Đà, huyện Tam Nông	Giao thông	số 4297/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.941	11.344	5.900	5.444	3.000	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 317B đi Khu 10 xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy	Giao thông	2793/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.500	1.740		5.000	3.000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình trên ĐT.313D đoạn km21 - km27	Giao thông	2712/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.170		4.500	8.400	1.500	Sở Giao thông vận tải
-	Đường sơ tán dân, cứu hộ, cứu nạn thị xã Phú Thọ (đoạn từ QL2 đến đường dẫn lên cầu Ngọc Tháp)	Giao thông	112/QĐ-UBND ngày 13/01/2012; 2766 ngày 30/10/2013	115.740	96.993	95.880	15.000	3.000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp ĐT313C đoạn Hương Lung - Văn Khúc, huyện Cẩm Khê đối với đoạn Km3+052,55-km7+629,41)	Giao thông	2333/QĐ-UBND 11/9/2017	27.306	25.981	13.000	14.306	5.000	Sở Giao thông vận tải
-	Xây dựng cầu Máng nối ĐH 97 đến khu Đình thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	Giao thông	2263/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.000			8.000	1.289	UBND huyện Yên Lập
-	Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông Sơn Thủy - Hoàng Xá kết nối tỉnh lộ 317, huyện Thanh Thủy	Giao thông	468/QĐ-UBND, 27/02/2019; 1165/QĐ-UBND, 28/4/2020	14.990	14.990	12.000	2.504	2.500	UBND huyện Thanh Thủy



STT	Liên danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo, sửa chữa đoạn Km0+00-Km3+052 tuyến đường tỉnh 313C, huyện Cẩm Khê	Giao thông	2986/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	29.707			5.000	1.500	Sở Giao thông vận tải
-	Cải tạo, sửa chữa đoạn Km17+800 - Km22+702 tuyến ĐT.313D (điểm cuối thuộc địa bàn huyện Yên Lập)	Giao thông	2487/QĐ-UBND ngày 21/9/2020	14.490			13.000	5.000	Sở Giao thông vận tải
-	Nâng cấp tuyến đường đoạn Hương Nộn - Thọ Văn - QL 32 huyện Tam Nông	Giao thông	Số 2278/QĐ-UBND ngày 09/9/2016	32.613	20.883	18.540	14.073	6.000	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn 1, thôn 3 xã Bằng Doãn, huyện Đoan Hùng	Giao thông	3005/QĐ-UBND ngày 21/9/2020	9.000			7.800	5.000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Sửa chữa, bảo trì tuyến đường xã Đỗ Sơn (huyện Thanh Ba) - Thanh Minh (thị xã Phú Thọ), đoạn tuyến từ Khu 5 đi Cụm công nghiệp huyện Thanh Ba	Giao thông	2289/QĐ-UBND ngày 19/10/2018; 1200/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	9.164	9.164	5.564	3.600	2.600	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ ĐT.314 đi Khu 1 và Khu 2 xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba	Giao thông	2675/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.118			5.000	1.500	UBND huyện Thanh Ba
-	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn từ QLII (cổng UBND huyện) đi cổng trường tiểu học Phù Lỗ - khu Bãi Thơi, thị trấn Phong Châu	Giao thông	2223/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	7.361	6.500	2.800	4.500	1.500	UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh
-	Dự án sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn QL 2 đi khu 6 thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh	Giao thông	2988/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	5.089		3.989	1.100	1.100	UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, sửa chữa đường liên xã Phú Nham, Gia Thanh đoạn đường tỉnh 323H xã Phú Nham đi đường huyện P2 xã Gia Thanh	Giao thông	2222/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.632	11.000	3.800	8.832	1.500	UBND xã Phú Nham, huyện Phù Ninh
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Phú Nham đoạn đường tỉnh lộ 323H trung tâm xã đi xóm Chùa kết nối với đường vành đai Tổng công ty giấy Bãi Bằng	Giao thông	2015/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	5.663	5.600	2.600	3.000	3.000	UBND xã Phú Nham, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Lộc, đoạn từ nhà văn hóa khu 2 - khu 3	Giao thông	2196/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	6.910	6.800	2.500	4.300	3.000	UBND xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Nham (Đoạn từ công phụ Nhà máy Giấy Bãi Bằng đi xã Phú Nham)	Giao thông	108 ngày 17/8/2020	6.368	300		6.000	3.000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 70B đi khu Tân Sơn, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập	Giao thông	2150/QĐ-UBND ngày 12/9/2019	8.672			5.000	3.000	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp đường liên khu dân cư Phú An - Xuân Hà, xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập	Giao thông	2566/QĐ-UBND ngày 22/10/2019; 1641/QĐ-UBND ngày 25/8/2020	14.089	9.000	7.000	3.000	2.500	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu Xe Ngà, xã Mỹ Lương đi khu Tân Sơn, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập	Giao thông	2649/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; 1341/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	7.500	6.500	2.500	4.000	4.000	UBND huyện Yên Lập

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo, nâng cấp đường vành đai chợ thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	Giao thông	837/QĐ-UBND ngày 03/5/2019	2.600	2.500	800	1.700	1.000	UBND huyện Yên Lập
-	Xây dựng khu tái định cư từ dự án đường nối từ QL32C vào KCN Cẩm Khê	Giao thông	2629/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	8.650	8.650	8.450	200	200	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến giao thông khu 3, xã Thanh Nga, huyện Cẩm Khê	Giao thông	3148/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	4.872	4.872	1.734	3.100	1.000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ tỉnh lộ 313E đi trung tâm xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê	Giao thông	3093/QĐ-UBND, 29/10/2019	3.657	3.084	2.000	1.584	1.000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Giáp, đoạn cây si Khu 2 đi Khu 7	Giao thông	3222 ngày 22/10/2018	8.478	6.500	2.200	4.300	2.550	UBND xã Trung Giáp, huyện Phú Ninh
-	Dự án cải tạo nâng cấp đường GTNT, GTNĐ kết hợp kiên cố hóa kênh mương đường cầu Cọc (công nhà Liên Hòa khu 15) đi cửa đập B, xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao	Giao thông	4282/QĐ-UBND 31/10/2019	2.729	2.729	1.167	1.550	1.000	UBND xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao
-	Đường giao thông nông thôn đoạn từ nút giao với tuyến số 2 Đền Hùng (từ nhà ông Quân Chiến) đến nhà ông Tỉnh Hạc, khu 6, xã Chu Hóa, thành phố Việt Trì	Giao thông	3062/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	7.000	6.500	3.000	3.500	2.000	UBND thành phố Việt Trì
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ trạm biến áp Khu 10 đi Cầu Thủy xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao	Giao thông	4162/QĐ ngày 31/10/2018	9.778		3.500	6.200	2.000	UBND huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT đoạn từ Nhà văn hóa khu Ngọc Tinh đi Giếng Chùa, Nghĩa trang nhân dân thị trấn, khu Thắng Lợi thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao	Giao thông	4287/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.900	6.500	1.000	5.500	1.500	UBND thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo tuyến đường trục giao thông xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao - tuyến từ UBND xã đi đền Giếng Giá, đền Thánh Mẫu, Chùa Phúc Ân đến giáp thị trấn Lâm Thao	Giao thông	3919/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	9.395	7.740	4.000	3.740	2.000	UBND xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên khu từ ngã tư Phương Lai 6 vào khu Ngọc Tinh, thị trấn Lâm Thao	Giao thông	1709/QĐ-UBND ngày 30/5/2017; 3206/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	9.320	8.930	6.900	2.030	1.000	UBND thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Đoan Hạ kết nối đường tỉnh 317 thuộc địa bàn xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy	Giao thông	2273/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	13.000			6.500	1.000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đồng Sơn, huyện Tân Sơn (Đoạn từ trung tâm xã đi xóm Xuân I)	Giao thông	5553/QĐ-UBND ngày 25/11/2019	11.000			8.588	3.000	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT khu Lóng xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn	Giao thông	5052/QĐ-UBND ngày 07/10/2019	5.803	5.803	1.500	4.303	1.500	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ khu Tân Ve đi khu Sài xã Thu Ngạc, huyện Tân Sơn	Giao thông	5825/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	14.900			6.000	2.000	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL 70B khu Đá Bàn xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập	Giao thông	QĐ 2003 ngày 30/8/2019	9.200			5.000	2.000	UBND huyện Yên Lập
-	Đường Bê tông xi măng liên thôn khu Múc, khu Thanh Phú đi khu Ến, xã Tam Thanh, huyện Tân Sơn	Giao thông	5826/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	11.000			8.000	2.500	UBND huyện Tân Sơn



STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Lê Mỹ, huyện Phú Ninh. Đoạn từ nhà văn hóa khu 8 - HLP1 khu 7 xã Trung Giáp	Giao thông	3275/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	7.949	7.949	2.000	5.000	2.000	UBND xã Lê Mỹ, huyện Phú Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn liên khu 4,5 xã Tề Lễ, huyện Tam Nông	Giao thông	Số 5116 ngày 25/10/2020, 990 ngày 21/4/2020	2.777	2.638	1.500	1.277	700	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn khu 10 đoạn từ kênh Diên Hồng đến kênh T2, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao	Giao thông	5519/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.200			4.000	2.800	UBND xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo sửa chữa đường GTNT xã Xuân Áng, huyện Hạ Hòa	Giao thông	668/QĐ-UBND, 22/3/2016	12.885	12.885	7.238	5.647	1.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Đan Thượng	Giao thông	4464/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	10.208	9.500	500	9.000	2.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Tuyến đường giao thông liên xã Lang Sơn - Minh Hạc	Giao thông	4457/QĐ-UBND, 23/10/2020	13.500			5.500	2.500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Đường giao thông nông thôn xã Vô Tranh (tuyến từ khu 7 đi khu 12) xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa	Giao thông	1937/QĐ-UBND, 05/05/2020	7.930	7.000	3.000	4.128	2.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa	Giao thông	4458/QĐ-UBND, 23/10/2020	14.850				7.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Đường giao thông liên xã Lệnh Khanh - Đan Thượng (Đoạn từ ĐH64B đi ga Đan Thượng)	Giao thông	1805/QĐ-UBND, 17/4/2020	7.168	7.168	3.500	3.668	2.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn (đoạn từ xóm Hà Thành đi xóm Chùng)	Giao thông	4908/QĐ-UBND, 11/10/2019	8.344	8.000	4.000	5.000	2.000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Đường GTNT đến UBND xã Thanh Nga, huyện Cẩm Khê	Giao thông	578/QĐ-UBND, 26/3/2018	12.363	12.363	9.900	2.555	2.500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ khu 6 xã Khai Xuân huyện Thanh Ba đi Trạm Thản huyện Phú Ninh	Giao thông	2676/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.246			5.000	3.000	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Chương Xá - Tạ Xá nối với tỉnh lộ 313C	Giao thông	3142/QĐ-UBND, 26/10/2018	5.800	5.200	2.200	3.000	1.000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường Bê tông xi măng từ xóm Đảng đi xóm Đờ xã Tinh Cương, huyện Cẩm Khê	Giao thông	4290/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	7.000			4.000	2.420	UBND huyện Cẩm Khê
-	Đường bê tông từ khu Ngọn Ngòi đi Gò Trảm xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê	Giao thông	4291/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	7.500			5.500	2.000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Lang Sơn (khu 1 và khu 3)	Giao thông	4459/QĐ-UBND, 23/10/2020	7.000			5.000	1.500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trên địa bàn xã Đồng Trung từ đường QL32-70 đi đường tỉnh 317E	Giao thông	2794/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	9.000	720	1.000	7.000	1.500	UBND huyện Thanh Thủy
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng	Giao thông	4156A/QĐ-UBND, 31/10/2018	7.734	7.000	7.000	2.200	2.000	UBND huyện Thanh Sơn

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Phương Viên (đoạn từ Khu 1 đi Khu 2)	Giao thông	4460/QĐ-UBND, 24/10/2020	5.368			2.500	1.500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ninh đoạn TL323C Khu 9 - Trung tâm xã	Giao thông	1866/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	7.902	350		4.000	2.000	UBND xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên khu 1, 2, 3 xã Văn Lương, huyện Tam Nông	Giao thông	236/QĐ-UBND ngày 20/01/2020	8.699	8.264	5.000	3.699	3.699	UBND huyện Tam Nông
-	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường trục khu 1, khu 5 xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông	Giao thông	3088/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	8.050			6.000	5.301	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn khu Tam Giao, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập	Giao thông	QĐ 2610 ngày 24/10/2019	9.574		3.000	6.500	2.500	UBND huyện Yên Lập
-	Mở rộng nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ ĐT323E vào Khu xử lý chất thải rắn Trại Thân	Giao thông	2891/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	22.775	14.735	10.000	7.000	4.000	UBND huyện Phù Ninh
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Lang Sơn, huyện Hạ Hòa	Giao thông	232/QĐ-UBND ngày 07/02/2018; 4212/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	8.349		4.600	3.749	1.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Đại Phạm (tuyến từ ĐT 314 đi khu 7)	Giao thông	1837/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	8.500		4.150	4.350	2.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Đường GTNT khu 3 đi khu tái định cư xã Phượng Mao, huyện Thanh Thủy	Giao thông	Số 2489/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7 104	7 100	1 500	5.500	1.000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ UBND TT Hùng Sơn đi dốc Vua (Khu 16) TT Hùng Sơn, huyện Lâm Thao	Giao thông	5166/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	4.600			3.000	1.000	UBND thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo 4 tuyến đường giao thông xã Cao Xá, huyện Lâm Thao (tuyến từ TL324 đi trại ông Ngọc; từ tỉnh lộ 324 đi bờ Thiên Lý; từ nhà ông Hữu đi quốc lộ 32C; từ xóm Thành 32C đi bờ Thiên Lý) xã Cao Xá	Giao thông	3407/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	8.610		1.482	7.128	500	UBND xã Cao Xá, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Hoa, huyện Phù Ninh (đoạn HLP5 Km10+300-TL323E Km3+364) đập bờ lớn đi đê Hốc Kết	Giao thông	3349a/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	14.984	14.680	9.000	4.800	1.000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GT đến trung tâm xã Văn Lương, huyện Tam Nông (Lý trình Km0+00-Km3+00m)	Giao thông	1764/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	14.950	14.191	10.461	3.730	1.000	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã Hiền Quan, huyện Tam Nông (Đoạn từ ĐT315 đi UBND xã Hiền Quan)	Giao thông	1265/QĐ-UBND ngày 14/3/2016	8.168	7.298	5.900	1.398	900	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Hoa, huyện Phù Ninh (đoạn HLP5 Km10+300-TL323E Km3+364)	Giao thông	1952/QĐ-UBND ngày 29/6/2012	11.867	9.288	7.245	850	850	UBND huyện Phù Ninh
-	Nâng cấp, cải tạo đường huyện P3 đoạn QL2 đi UBND xã Tiên Phú, huyện Phù Ninh	Giao thông	2241/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	6.157	4.150	3.000	3.157	500	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng, cảnh quan khu vực trung tâm Phường Bạch Hạc	Hạ tầng kỹ thuật	3056/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	7.000			4.000	3.000	UBND phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì



STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo nâng cấp 2 tuyến đường giao thông (tuyến 1 từ nhà ông Quán đến nhà ông Hoàng khu 6; tuyến 2 từ nhà ông Xuân đến Đục Trọ khu 5) xã Thanh Đình thành phố Việt Trì	Giao thông	3408/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	9.462	6.454	4.000	2.500	1.500	UBND xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Khu 15, thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao	Giao thông	4132/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.642	8.500	2.500	6.000	2.000	UBND thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT khu 1 đi khu 2 và khu 9 đi khu 15, xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng	Giao thông	2716/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	5.385	4.500	1.500	2.000	500	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Vực Trường - Hiền Quan	Giao thông	số 4270/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	8.557	8.129	4.900	3.229	1.500	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên khu 6, khu 7 xã Hương Nộn, Huyện Tam Nông	Giao thông	Số 112/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	4.500			3.500	2.000	UBND xã Hương Nộn, huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Xuân Lộc: Tuyến trung tâm xã đi KCN Trung Hà	Giao thông	Số 2459/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	7.193	7.150	4.000	3.100	1.500	UBND huyện Thanh Thủy
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT liên xã Bằng Giã - Văn Lang	Giao thông	4461/QĐ-UBND, 24/10/2020	12.580			8.000	1.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đông Sơn - Gò Mun, khu 1, phường Văn Cơ, thành phố Việt Trì	Giao thông	3057/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	5.500			3.000	2.000	UBND phường Văn Cơ, thành phố Việt Trì
-	Cải tạo, sửa chữa đường Đại Nãi (đoạn từ nút giao đường Nguyệt Cư đến chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì	Giao thông	3058/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	9.982			6.000	4.000	UBND phường Minh Phương, thành phố Việt Trì
-	Cải tạo, nâng cấp trục đường từ KHC Tân Long đến KHC Thọ Sơn, thị trấn Đoan Hùng	Giao thông	3006/QĐ-UBND ngày 21/9/2020	14.500			4.500	2.700	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp đường thôn 5 đi thôn 9 và đi ấp bắc xã Yên Kiện	Giao thông	3007/QĐ-UBND ngày 21/9/2020	6.700			3.000	500	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Hanh Cù đi Mạn Lạn, huyện Thanh Ba (tuyến khu 18 xã Hanh Cù đi khu Quyết Thắng xã Mạn Lạn)	Giao thông	2677/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	9.582			4.000	3.000	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH7 đoạn từ Đồng Ngõ xã Văn Lung đến TL 320C thị xã Phú Thọ	Giao thông	4640/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.900			6.000	4.000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ xóm Đồng Tô đi Đồng Mai, xã Thu Cúc	Giao thông	5827/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	9.600			6.000	2.000	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tuyến từ nhà ông Thử khu 3 đến nhà ông Hào Tỉnh khu 6 xã Đồng Xuân, huyện Thanh Ba	Giao thông	2678/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	8.258			5.000	1.000	UBND huyện Thanh Ba
-	Đường GTNT nội đồng xã Trị Quận đoạn từ lò gạch nhà ông Chính - Trạm bơm Trị Quận	Giao thông	1358/UBND-TCKH ngày 05/10/2020	10.500			6.000	1.500	UBND xã Trị Quận, huyện Phú Ninh
-	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Trạm Thản, huyện Phú Ninh (đoạn từ công ông Đô đi Trung tâm xã Trạm Thản)	Giao thông	3304/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.494	1.550	1.000	2.300	1.500	UBND xã Trạm Thản, huyện Phú Ninh

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT khu Đình Cá, xã Hưng Long, huyện Yên Lập	Giao thông	2264/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	9.800			4.500	2.000	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Cầu Tân Long đi đập Lèn, xã Đồng Thịnh, huyện Yên Lập	Giao thông	2265/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	4.500			4.000	4.000	UBND huyện Yên Lập
-	Nâng cấp, cải tạo một số tuyến đường giao thông nội thị thị trấn Hạ Hòa (khu 1, 2, 3, 4, 5)	Giao thông	4462/QĐ-UBND, 24/10/2020	14.500			6.000	3.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp, cải tạo đường nội thị thị trấn Hưng Hóa	Giao thông	Số 3737/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	10.000			7.000	2.000	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường vào khu xử lý rác thải thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (đoạn từ Km0+00-Km1+00)	Giao thông	2618/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	14.976	2.246		10.000	2.000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối TL 317D đi đường vào UBND xã Sơn Thủy (đoạn từ ngã 4 Thủy Trạm đi Đồi Muối), huyện Thanh Thủy	Giao thông	2688/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	13.000	1.560		10.000	1.500	UBND huyện Thanh Thủy
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông ĐH12 xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ	Giao thông	4641/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.900			6.000	1.500	UBND thị xã Phú Thọ
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Lộc (đoạn từ Khu 4 đi Cụm công nghiệp Phú Gia), huyện Phù Ninh	Giao thông	3316a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	13.141	6.500	6.000	7.141	3.000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Mỹ, đoạn từ đường Chiến thắng Sông Lô, Ngã Ba Tam Phong	Giao thông	2192/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	3.435	1.550	1.300	1.500	500	UBND xã Phú Mỹ, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ Trường THCS đi khu 5, khu 1B, xã Phú Nham, huyện Phù Ninh	Giao thông	146 ngày 09/11/2020	8.000	250		5.000	1.000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đông Thành, huyện Thanh Ba (tuyến từ gốc đả Chợ Lạnh xã Đông Thành đi Z121)	Giao thông	2679/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	12.352			8.000	4.000	UBND huyện Thanh Ba
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT khu 2, khu 6 xã Ngọc Đồng, huyện Yên Lập	Giao thông	1561/TT-UBND ngày 17/11/2020	10.500			2.000	500	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, tràn liên hợp khu Minh Nga và khu Dừng xã Thạch Kiệt	Giao thông	5829/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	4.500				3.200	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đồng Xuân, huyện Thanh Ba (Tuyến Nhà văn hóa khu 8 đi Dộc Mộc nối khu đường kinh tế)	Giao thông	2684/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.586				1.000	UBND huyện Thanh Ba
-	Đường dẫn dầu cầu Vĩnh Phú trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Giao thông	345/TTg-CN ngày 16/3/2020	47.600			20.000	5.000	Sở Giao thông vận tải
2	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi			1.897.578	1.332.057	1.239.280	140.543	51.545	
*	Công trình quyết toán, hoàn thành chờ quyết toán			1.577.702	1.119.289	1.075.065	41.955	15.550	



STT	Tên danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Hệ thống cấp nước xã Kim Thượng - Tân Sơn	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	3353/QĐ-UBND ngày 20/10/2011; 1353/QĐ-UBND ngày 31/5/2013	14.953	14.953	13.600	300	300	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Tu bổ, nâng cấp đê tả, hữu ngòi Me, huyện Cẩm Khê - Thi công xây lắp tuyến đê tả Ngòi Me (Gói thầu số 4)	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	1654/QĐ-UBND ngày 17/6/2008; 2070/QĐ-UBND ngày 09/7/2010	198.998	26.500	24.635	2.675	2.675	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Khu tái định cư cho các hộ vùng sạt lở, vùng xung yếu của rừng phòng hộ và hộ di cư tự do tại xã Tân Phú, huyện Tân Sơn	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	1668/QĐ-UBND ngày 18/6/2008	134.771	95.492	92.150	3.342	574	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Xử lý sạt lở bờ sông đoạn K0-K10 đê tả và đê hữu ngòi Lạt huyện Thanh Sơn	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	QĐ số 3013/QĐ-UBND ngày 29/7/2011	248.469	107.012	105.011	2.001	1.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Công trình: Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ, sông đoạn từ Km14+600-Km15+200 đê tả sông Đà thuộc xã Đồng Luận, huyện Thanh Thủy	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2782/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	14.897	14.897	14.308	589	500	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo, nâng cấp hồ Phụng Thượng, xã Đông Thành thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước bị xuống cấp trên địa bàn huyện Thanh Ba	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2811/QĐ-UBND, 06/9/2011	7.041	5.546	5.278	268	268	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo, nâng cấp Đập Niệng, xã Đông Thành thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước bị xuống cấp trên địa bàn huyện Thanh Ba	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2329/QĐ-UBND, 19/7/2011	4.358	1.036	819	218	218	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo, nâng cấp hồ Độc Học, xã Sơn Cương thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước bị xuống cấp trên địa bàn huyện Thanh Ba	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2411/QĐ-UBND, 13/9/2012	2.699	1.011	282	729	729	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo nâng cấp hệ thống cấp nước vùng Phương Xá, huyện Cẩm Khê	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	1481/QĐ-UBND ngày 01/7/2015	51.173	48.766	47.020	1.746	1.350	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ, sông từ đoạn Km8+800-Km9+400 đê hữu sông Chảy thuộc xã Phương Trung, huyện Đoan Hùng	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2270/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	14.990	14.728	14.079	649	649	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Hồ ngòi Giành và hệ thống cấp nước phục vụ SXNN, sinh hoạt cho các xã Trung Sơn, Xuân An, Xuân Thủy, Xuân Viên, Hưng Long, huyện Yên Lập (Chi phí CBĐT)	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	201/QĐ-SNN, 31/3/2010	8.030	1.143	300	843	843	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo, nâng cấp hồ Mị, xã Sơn Cương thuộc dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước bị xuống cấp trên địa bàn huyện Thanh Ba	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2412/QĐ-UBND, 13/9/2012	3.002	1.503	772	731	245	Sở Nông nghiệp và PTNT

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo, gia cố và nâng cấp đê tả sông Chảy kết hợp đường giao thông, huyện Đoan Hùng	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2843/QĐ-UBND ngày 6/10/2008; 2086/QĐ-UBND ngày 12/7/2010; 871/QĐ-UBND ngày 9/4/2013	165.409	144.622	143.370	1.252	577	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi hồ Hàm Kỳ	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2992/QĐ-UBND ngày 18/11/2019	30.747	30.747	30.125	622	622	UBND huyện Hạ Hòa
-	Tu bổ, hoàn chỉnh và gia cố mặt đê Tả sông Thao	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	1209/QĐ-UBND, 24/5/2017; 2174/QĐ-UBND, 05/8/2008; 390/QĐ-UBND, 05/02/2013; 1977/QĐ-UBND, 07/8/2013	615.355	566.333	540.916	23.990	4.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và bảo vệ rừng cấp bách giai đoạn 2015-2020	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	499/QĐ-UBND, 10/3/2016; 1378/QĐ-UBND ngày 14/6/2019; 2037/QĐ-UBND ngày 15/8/2019; 132/QĐ-UBND ngày 17/01/2020	62.810	45.000	42.400	2.000	1.000	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và PTNT
*	Công trình, dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới			319.876	212.768	164.215	98.588	35.995	
-	Xây dựng hệ thống đường ống nối tiếp từ công trình đập Ngòi Lao để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Cẩm Khê	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2285/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	59.864	25.000	24.300	35.564	5.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đoạn tương ứng từ Km 51+600- Km51+960 đê tả sông Thao, thuộc địa bàn xã Đỗ Xuyên, huyện Thanh Ba	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	727/QĐ-SNN ngày 27/9/2019	9.803	9.591	7.500	2.000	2.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Xử lý sạt lở bờ vỡ sông đoạn từ K20+420 đến K21+400 và đoạn từ K21+950 đến K22+940 đê tả Đà, huyện Thanh Thủy	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2357/QĐ-UBND ngày 02/10/2014; 2944/QĐ-UBND ngày 25/11/2014	62.988	52.842	51.130	1.289	1.100	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đê hữu sông Thao thuộc địa bàn khu 8 xã Xuân Quang và khu 2, khu 3 xã Hương Nha, huyện Tam Nông	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	686/QĐ-SNN ngày 22/8/2019	10.922	10.922	9.500	825	825	Sở Nông nghiệp và PTNT

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo sửa chữa hồ Đục Móc, huyện Đoàn Hùng và hồ Cây Si, huyện Hạ Hòa	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2678/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	9.000	7.677	4.000	3.677	3.000	Công ty TNHH NN MTV khai thác công trình thủy lợi Phú Thọ
-	Nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt xã Xuân Lũng và Xuân Huy, huyện Lâm Thao	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	1312/QĐ-UBND ngày 16/6/2015; 2272/QĐ-UBND, 11/9/2018	27.000	26.341	24.675	1.666	1.570	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Kè khẩn cấp bờ vờ Sông Đà đoạn Km4+800 -Km6+000 đê tả Đà trên địa bàn xã Yên Mao	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	1683/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	14.800	9.000	3.000	6.000	1.000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Hạ tầng vùng nuôi thủy sản bền vững thuộc xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	465/QĐ-UBND ngày 08/3/2016; 1376/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	56.767	55.670	33.700	23.067	3.000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ HTX Cá chép đỏ và dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thủy Trầm, xã Tuy Lộc (Cải tạo, nâng cấp đường giao thông, xây dựng kênh tưới)	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	1787/QĐ-UBND ngày 16/8/2019	12.532	12.000	6.410	6.000	2.500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đập chứa nước khu Lòng chảo, xã Minh Hòa, huyện Yên Lập	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	QĐ 2010 ngày 30/8/2019	9.200			6.000	1.500	UBND huyện Yên Lập
-	Kè chống sạt lở Ngòi Cá từ cầu Bến Sồ đến Khu Chùa 12, thị trấn Yên Lập	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2266/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	7.800			4.500	2.000	UBND huyện Yên Lập
-	Kè chống sạt lở Ngòi Me và mở rộng nghĩa trang Đồng Quén, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2267/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	9.800			6.000	6.000	UBND huyện Yên Lập
-	Công trình xử lý khẩn cấp sạt lở bờ, vờ sông đê tả Đà, thuộc địa bàn xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2520/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	14.900	3.725		2.000	500	UBND huyện Thanh Thủy
-	Đầu tư gia cố hệ thống đê điều, thủy lợi xuống cấp năm 2021 trên địa bàn xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, xã Phượng Vỹ, huyện Cẩm Khê, xã Văn Du, huyện Đoàn Hùng	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi	2995/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	14.500				6.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề - Khoa học công nghệ			715.146	472.541	303.079	343.980	147.765	
*	Công trình quyết toán, hoàn thành chờ quyết toán			203.301	183.139	118.249	57.012	21.414	
-	Nhà công vụ giáo viên Trường THPT Vĩnh Chân	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2500/QĐ-UBND ngày 21/9/2014	1.493	1.345	1.250	95	95	Trường THPT Vĩnh Chân

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Nhà đa năng Trường THPT Từ Đà	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1077/QĐ-UBND, 23/04/2012; 3095/QĐ-UBND, 21/11/2016	5 661	5 661	5 517	144	144	Trường THPT Từ Đà
-	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng, cải tạo sửa chữa các công trình trường THPT Đoàn Hùng	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	588/QĐ-UBND, 13/3/2016; 1873/QĐ-UBND, 31/7/2019	7 827	7 827	6 157	1 670	1.000	Trường THPT Đoàn Hùng
-	Nhà lớp học và phòng bộ môn trường THPT Văn Miếu	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	825/QĐ-UBND, 14/04/2017; 2799/QĐ-UBND, 31/10/2019	7 502	7 502	5 400	2 102	2.000	Trường THPT Văn Miếu
-	Trường THPT Lương Sơn (Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng học, công trình vệ sinh và cải tạo, sửa chữa nhà lớp học; Nhà lớp học 2 tầng (mẫu 10P1); Nhà công vụ 14 phòng)	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	752/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 2405/QĐ-UBND ngày 10/9/2020; 164/QĐ-UBND ngày 19/01/2016; 166/QĐ-UBND ngày 19/01/2016	9 835	9.835	8.843	992	992	Trường THPT Lương Sơn
-	Cải tạo, sửa chữa Nhà lớp học 3 tầng 18 phòng học (Nhà A1) Trường THPT Việt Trì	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2810/QĐ-UBND, 29/10/2018; 271/QĐ-UBND, 13/02/2020	4 661	4.661	1.500	161	161	Trường THPT Việt Trì
-	Xây dựng bờ kè, mương thoát nước, tường rào, ta luy hoàn thiện sân thể dục Trường THPT Thanh Thủy	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3413/QĐ-UBND, 07/12/2018	3 500	3.500	508	2.992	2.000	Trường THPT Thanh Thủy
-	Nhà công vụ giáo viên trường THPT Văn Miếu	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2824/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	2.135	2.125	1.520	605	605	Trường THPT Văn Miếu
-	Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành, nhà hội trường và một số hạng mục phụ trợ của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2814/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2 850	2.777	447	1.330	1.000	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh
-	Nhà ký túc xá Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1592/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	6.000	6.000	4.000	2.000	1.000	Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ
-	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng thị trấn Thanh Thủy	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	Số 3385/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	33.800	25.350	2.235	20.000	2.000	UBND thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy
-	Dự án Khoa Đại học Nông Lâm nghiệp	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3251/QĐ-UBND ngày 22/10/2004; 1229/QĐ-UBND ngày 04/5/2006	69.059	64.906	62.778	2.128	1.500	Trường Đại học Hùng Vương



STT		Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học An Đạo	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3227a/QĐ-UBND ngày 23/10/2018; 1783/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	4.801	4.801	1.000	3.801	500	UBND xã An Đạo, huyện Phù Ninh
-	Nhà lớp học kết hợp nhà điều hành 2 tầng, Nhà lớp học kết hợp nhà ăn 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Bình Bộ, huyện Phù Ninh	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1062/QĐ-UBND ngày 23/3/2018	12.310	12.196	7.252	3.610	1.000	UBND xã Bình Phú, huyện Phù Ninh
-	Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng học và các hạng mục hỗ trợ Trường Mầm non Thụy Liễu huyện Cẩm Khê	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3161/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.968	4.968	900	3.300	1.500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp nhà điều hành và một số hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Xuân Sơn	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	4179/QĐ-UBND ngày 04/9/2018	3.964	3.964	2.000	1.964	1.300	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 12 phòng và xây dựng mới các hạng mục công trình trường THCS Hưng Hóa	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	Số 81/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	7.538	7.161	1.000	4.500	1.000	UBND thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông
-	Xây dựng nhà điều hành Trường mầm non xã Hương Nộn	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	Số 113/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	6.500			3.000	1.000	UBND xã Hương Nộn, huyện Tam Nông
-	Nhà lớp học Trường mầm non Thạch Khoán	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1851a/QĐ-UBND ngày 16/6/2017	6.631	6.402	4.016	2.386	2.386	Trường Mầm non Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn
-	San nền Trường mầm non Thạch Khoán	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1684/QĐ-UBND ngày 05/6/2017	1.755	1.646	1.514	132	131	Trường Mầm non Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn
-	Nhà văn hóa khu Thiện 1 xã Hưng Long	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	55/QĐ-UBND ngày 30/5/2017	512	512	412	100	100	UBND xã Hưng Long, huyện Yên Lập
*	Công trình, dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới			511.845	289.403	184.830	286.969	126.351	
-	Cải tạo, sửa chữa Nhà điều hành Trường THPT Hưng Hóa	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1743/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	1.686	1.686	800	886	800	Trường THPT Hưng Hóa
-	Sửa chữa Nhà đa năng, xây dựng Nhà lớp học phòng chức năng Trường THPT Long Châu Sa	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1280/QĐ-UBND ngày 17/6/2020	6.599		900	5.000	2.100	Trường THPT Long Châu Sa
-	Trường THPT Thanh Sơn (Nhà thư viện, truyền thống, Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng)	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2342/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	43.000	38.000	37.000	4.000	1.500	Trường THPT Thanh Sơn

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Trường THPT Phương Xá	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2811/QĐ-UBND, 28/10/2016	7.493	7.493	3.500	1.993	800	Trường THPT Phương Xá
-	Sửa chữa, cải tạo nhà ăn và xây nhà công vụ cho giáo viên Trường PTDT nội trú tỉnh	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1087/QĐ-UBND, 25/5/2020	7.500	7.350	5.500	2.000	2.000	Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh
-	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Yên Lập	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2851/QĐ-UBND, 31/10/2018	26.965	12 500	10 500	16 465	2.000	UBND huyện Yên Lập
-	Xây dựng nhà chức năng và cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà lớp học Trường THPT Hạ Hòa	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2606 ngày 18/10/2019	12.061	7 061	2 150	9 911	5.000	Trường THPT Hạ Hòa
-	Trường THPT Tân Sơn, huyện Tân Sơn (GD 1)	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	760/QĐ-UBND ngày 09/04/2019	50.000	42 800	35 500	10 000	7.000	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo nhà lớp học và phòng học bộ môn Trường THPT Phù Ninh	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1872/QĐ-UBND 12/8/2020	4.447	4 337	2 250	2 087	1.000	Trường THPT Phù Ninh
-	Mở rộng sân phục vụ thể thao trường THPT Phong Châu	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	858/QĐ-UBND ngày 22/4/2019	6.901	3 100	1 500	5 401	2.000	Trường THPT Phong Châu
-	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học 3 tầng, cổng chính, hàng rào (trạm biển áp)	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	4755, ngày 22/10/2018				2 831	500	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp tỉnh
-	Cải tạo, nâng cấp nhà để thiết bị bộ môn thành nhà Thư viện Trường THPT Hương Cẩn	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1717/QĐ-UBND, 31/7/2020	2.000	1 920	720	1 280	1.000	Trường THPT Hương Cẩn
-	Hạ tầng giao thông và cảnh quan khu vực Khoa Đại học Nông Lâm Ngư Trường Đại học Hùng Vương	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1158/QĐ-UBND 03/6/2020	6.693	6.543	4.000	2.200	2.000	Trường Đại học Hùng Vương
-	Bồi thường GPMB Trường Đại học Hùng Vương	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3674/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	719				500	Trường Đại học Hùng Vương
-	Cải tạo, sửa chữa ký túc xá nhà N4B, giảng đường 500 chỗ, giảng đường giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Hùng Vương	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1923/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	9.095	5.500	3.500	2.000	1.000	Trường Đại học Hùng Vương
-	Cải tạo, sửa chữa nhà ở sinh viên cụm số 1 - Khu đô thị Minh Phương, TP Việt Trì	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2667/QĐ-UBND ngày 13/10/2020	6.712			3.500	2.000	Sở Xây dựng
-	Mở rộng diện tích trường và xây dựng Nhà chức năng, cổng, tường rào Trường THPT Yên Lập	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	5293/UBND-KGVX ngày 26/11/2020	6.500			6.500	3.000	Trường THPT Yên Lập



STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Xây dựng nhà đa năng, cải tạo nâng cấp nhà lớp học, cải tạo, sửa chữa một số công trình phụ trợ - Trường THPT Cẩm Khê	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2979/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	14.850			11.900	3.000	Trường THPT Cẩm Khê
-	Nhà lớp học, chức năng 04 phòng và cải tạo, sửa chữa nhà công vụ, Trường THPT Văn Miếu	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	5293/UBND-KGVX ngày 26/11/2020	5.600			5.000	2.000	Trường THPT Văn Miếu
-	Cải tạo, nâng cấp Nhà điều hành, Trường THPT Vĩnh Chân	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	5293/UBND-KGVX ngày 26/11/2020	4.300			4.300	2.000	Trường THPT Vĩnh Chân
-	Cải tạo, sửa chữa Nhà lớp học, Nhà điều hành Trường THPT Hùng Vương	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	5293/UBND-KGVX ngày 26/11/2020	4.200			4.200	2.000	Trường THPT Hùng Vương
-	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học, điều hành, sân trường, sân vận động, Trường THPT Chân Mộng	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	5293/UBND-KGVX ngày 26/11/2020	4.000			4.000	2.000	Trường THPT Chân Mộng
-	Nhà lớp học tích hợp lý thuyết và thực hành- Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	5297/UBND-KGVX ngày 23/11/2020	14.800			8.000	1.000	Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ
-	Cải tạo, sửa chữa khuôn viên sân dạy học Thể dục - Giáo dục quốc phòng và tường rào Trường THPT Thanh Ba	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	5293/UBND-KGVX ngày 26/11/2020	2.600			2.000	1.500	Trường THPT Thanh Ba
-	Xây mới nhà lớp học, nhà điều hành và các phòng học chức năng Trường mầm non xã Lang Sơn	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	4527/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	13.758	13.758	7.764	5.994	2.000	Ban QLDA ĐTXD các công trình thuộc lĩnh vực VHXXH, UBND huyện Hạ Hòa
-	Nhà lớp học bộ môn Trường THCS Giã Phong Châu	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3294/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	11.248	9.550	1.402	9.000	2.000	UBND huyện Phú Ninh
-	Nâng cấp trung tâm dữ liệu số tỉnh Phú Thọ giai đoạn I	Khoa học công nghệ - CNTT	2844/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.532	5.532	4.300	1.232	1.220	Sở Thông tin và Truyền thông
-	Xây dựng Trung tâm quản lý điều hành Chính quyền điện tử Phú Thọ giai đoạn 2019-2020	Khoa học công nghệ - CNTT	2727/QĐ-UBND, 21/10/2019; 1543/QĐ-UBND, 14/7/2020	14.847	5.500	5.000	9.847	5.280	Sở Thông tin và Truyền thông
-	Ứng dụng công nghệ thông tin trong số hóa kiến trúc và du lịch Đền Hùng	Khoa học công nghệ - CNTT	2558/QĐ-UBND, 28/9/2020	3.250	1.100	800	2.450	1.000	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
-	Trường mầm non xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2659/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10.009	9.200	6.200	3.000	1.500	UBND huyện Đoan Hùng

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Nhà lớp học và các phòng họp bộ môn Trường THCS xã Vụ Quang	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1819/QĐ-UBND ngày 23/6/2020	5.466	4.850	2.350	2.500	1.500	UBND huyện Đoàn Hùng
-	Nhà lớp học và phòng học chức năng trường THCS Tuy Lộc	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3144/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	4.594	4.594	2.450	1.700	1.500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Nhà lớp học trường Mầm non Tam Sơn, huyện Cẩm Khê	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	4292/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	3.500			3.000	2.500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, cải tạo khuôn viên và các hạng mục phụ trợ trường THCS Minh hòa huyện Yên lập	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2268/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	5.600			5.200	1.000	UBND huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp đường vào và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Đậu Dương, huyện Tam Nông	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	125/QĐ-UBND ngày 26/10/2020	3.268			3.000	2.000	UBND xã Dân Quyền, huyện Tam Nông
-	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường Mầm non Ngọc Quan	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2786/QĐ-UBND ngày 17/10/2020	5.902	5.000	2.000	3.000	1.800	UBND xã Ngọc Quan, huyện Đoàn Hùng
-	Nhà lớp học + bếp ăn trường mầm non khu B xã Thục Luyện	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	5571b/QĐ-UBND ngày 13/11/2019	6.159	6.025	4.500	1.500	1.500	UBND huyện Thanh Sơn
-	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Mầm non Dữu Lâu, thành phố Việt Trì	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	8578/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 222/QĐ-UBND ngày 05/02/2018	8.160	8.000	4.630	3.370	2.000	UBND phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS An Đạo (gói thầu số 05)	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2193/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	5.176	2.500	2.500	2.676	2.000	UBND xã An Đạo, huyện Phù Ninh
-	Nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học thị trấn Đoàn Hùng	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2316/QĐ-UBND, 23/8/2019; 2711/QĐ-UBND, 17/10/2019	2.799	2.500	1.500	1.200	900	UBND huyện Đoàn Hùng
-	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học trường Mầm non Thọ Văn, huyện Tam Nông	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	Số 3739/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	9.500			7.000	1.500	UBND huyện Tam Nông
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng phân hiệu 2 - Trường tiểu học Thống Nhất, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì (gói thầu số 02)	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2386/QĐ-UBND, 14/8/2020	5.974	3.000	1.400	4.574	2.000	UBND xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì
-	Công trình: Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất đạt chuẩn năm 2019 Trường mầm non Gia Thanh.	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3224/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	6.442	6.100	3.100	3.000	1.500	UBND xã Gia Thanh, huyện Phù Ninh



STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THCS xã Từ Đà, huyện Phù Ninh	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1860/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	6.235	330		3.000	1.000	UBND xã Bình Phú, huyện Phù Ninh
-	Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng, Trường Tiểu học Đồng Thịnh, huyện Yên Lập	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	309/QĐ-UBND ngày 19/02/2019; 1370/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	4.162			1.149	1.000	UBND xã Đồng Thịnh, huyện Yên Lập
-	Xây mới 8 phòng học, 2 phòng phục vụ học tập Trường mầm non Hương Xạ	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	4655/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	8.367	6.000	1.000	7.367	1.000	UBND xã Hương Xạ, huyện Hạ Hòa
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Hưng Long, huyện Yên Lập	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2269/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	5.600			5.000	1.951	UBND huyện Yên Lập
-	Nhà lớp học kiêm nhà điều hành trường mầm non Phụ Khánh, huyện Hạ Hòa	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	4598/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	3.283	3.283	1.000	2.283	1.500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non Hiền Quan	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	số 2821/QĐ-UBND ngày 06/5/2019	7.247	6.885	1.900	4.985	2.000	UBND huyện Tam Nông
-	Nhà lớp học 3T12P và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Văn Luông	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	4148/QĐ-UBND ngày 05/09/2018	10.148	8.500	3.500	6.600	1.500	UBND huyện Tân Sơn
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non Thạch Sơn, xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	4245/QĐ-UBND, 23/10/2019	6.856		1.975	4.882	2.000	UBND xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Minh Côi, huyện Hạ Hòa	Giao thông	1930/QĐ-UBND ngày 04/5/2020	11.768	3.500	3.000	3.000	1.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nhà lớp học và các phòng chức năng trường tiểu học Thọ Sơn, thành phố Việt Trì	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3391/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	6.416	5.000	2.896	3.520	1.000	UBND phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì
-	Nhà chức năng, lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non xã Trị Quận	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3140a/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	6.337	5.818	2.300	2.930	1.000	UBND huyện Phù Ninh
-	Nhà chức năng, lớp học 2 tầng 8 phòng trường TH xã Trị Quận	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3131a/QĐ-UBND ngày 12/10/2018	4.108	4.022	1.000	2.400	1.500	UBND huyện Phù Ninh
-	Nhà điều hành + các phòng học chức năng Trường THCS Yên Luật, huyện Hạ Hòa	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	4582/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	5.899	5.000	1.600	4.299	2.000	UBND huyện Hạ Hòa

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục thuộc các trường: Phổ thông dân tộc nội trú - THCS, THCS Thu Cúc, Trường THCS Kiệt Sơn, Trường TH Văn Lương, THCS Kim Thượng (một số hạng mục hư hỏng nặng)	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	4239/QĐ-UBND ngày 12/09/2018	9.816	9.816	3.500	6.316	3.000	UBND huyện Tân Sơn
-	Nhà điều hành và phòng chức năng Trường mầm non Thanh Uyên	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	Số 40/QĐ-UBND ngày 12/6/2020	3.634	3.500	1.333	2.301	500	UBND xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông
-	Khu thể dục thể thao và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Văn Lang	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3060/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	5.000			3.000	1.000	UBND thành phố Việt Trì
-	Nhà lớp học Trường THCS Đoàn Hùng	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3008/QĐ-UBND ngày 21/9/2020	6.600			5.000	2.000	UBND huyện Đoàn Hùng
-	Nhà lớp học và các phòng học bộ môn trường THCS Thị trấn Đoàn Hùng	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3009/QĐ-UBND ngày 21/9/2020	5.500			3.000	1.000	UBND huyện Đoàn Hùng
-	Nhà lớp học bộ môn trường THCS Mạn Lạn, huyện Thanh Ba (điểm trường số 1)	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	2680/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.215			4.000	1.000	UBND huyện Thanh Ba
-	Nhà lớp học 8 phòng Trường THCS Phú Lộc	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	1955/QĐ-UBND ngày 26/9/2019; 2246/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 821/QĐ-UBND ngày 30/6/2020	7.750	2.250	2.110	5.640	5.000	UBND xã Phú Lộc huyện Phù Ninh
-	Xây dựng nhà bếp và một số hạng mục khác Trường Tiểu học Bạch Hạc, phường Bạch Hạc, TP Việt Trì	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	3061/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	3.000			2.600	1.000	UBND phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì
-	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất các trường THPT đạt chuẩn Quốc gia năm 2021 (các trường THPT: Minh Hòa, Xuân Áng, Việt Trì, Quế Lâm, Thanh Thủy)	Giáo dục - đào tạo - dạy nghề	5070/UBND-KGVX ngày 12/11/2020	0			15.000	11.000	Các trường THPT: Minh Hòa, Xuân Áng, Việt Trì, Quế Lâm, Thanh Thủy
4	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước			222.641	146.419	104.844	96.411	36.414	
*	Công trình quyết toán, hoàn thành chờ quyết toán			87.356	81.668	63.544	18.329	9.714	
-	Sửa chữa hội trường UBND huyện Phù Ninh và xây dựng nhà vệ sinh	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	1243A ngày 20/6/2014	7.126	6.626	4.252	2.374	1.200	UBND huyện Phù Ninh

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư	Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Báo Phú Thọ và Hội nhà báo tỉnh	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	1470/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	9.214	8.800	414	414	Báo Phú Thọ
-	Trung tâm hành chính công và điều hành đô thị thông minh	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	1462/QĐ-UBND ngày 23/6/2017; 217/QĐ-UBND ngày 29/01/2019	43.621	39.965	3.656	3.300	Văn phòng UBND tỉnh
-	Cải tạo, sửa chữa huyện ủy Thanh Sơn	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	5089/QĐ-UBND, 18/10/2019	11.988	6.800	5.000	3.000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Xây dựng nhà làm việc xã Âm Hạ	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	2729/QĐ-UBND ngày 31/7/2020	2.946	500	2.446	1.000	UBND xã Âm Hạ, huyện Hạ Hòa
-	Nhà hội trường kiêm nhà làm việc UBND xã Lâm Lợi	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	3110/QĐ-UBND ngày 27/9/2011	2.626	1.787	839	300	UBND xã Xuân Áng, huyện Hạ Hòa
-	Trụ sở làm việc Ban Quản lý các công trình công cộng huyện Phù Ninh	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	3404/QĐ-UBND, 24/10/2012; 3737/QĐ-UBND, 28/12/2018	9.835	4.740	3.600	500	UBND huyện Phù Ninh
*	Công trình, dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới			135.284	64.751	41.300	78.082	26.700
-	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp trụ sở làm việc của Sở Công Thương	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	3615/QĐ-UBND, 28/12/2017	14.642	7.565	6.015	2.000	Sở Công Thương
-	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp trụ sở làm việc của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	2296/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	2.569	1.100	1.469	1.200	Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh
-	Cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc của Sở Nội vụ	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	1850/QĐ-UBND ngày 11/8/2020	2.145	1.000	1.145	1.000	Sở Nội vụ
-	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục trụ sở làm việc Tỉnh ủy	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	1293/QĐ-UBND ngày 17/6/2020	10.870	400	5.000	3.000	Văn phòng Tỉnh ủy
-	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình Trường Chính trị tỉnh	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	281/QĐ-UBND ngày 17/02/2020	7.993	3.700	4.000	1.000	Trường Chính trị tỉnh

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Phú Thọ	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	3109/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	3.000			3.000	2.000	Ủy ban MTTQ tỉnh Phú Thọ
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Hội Nông dân tỉnh	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	3108/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	2.000			2.000	1.000	Hội Nông dân tỉnh
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Phú Thọ	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	3060/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	5.000		3.000	5.000	2.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Cải tạo sửa chữa một số hạng mục của trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	2757/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	3.500			3.500	2.000	Sở Tài nguyên và Môi trường
-	Cải tạo, sửa chữa huyện ủy Lâm Thao	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	3802/QĐ-UBND, 07/8/2019	13.026	12.000	6.439	3.000	1.000	Huyện ủy, huyện Lâm Thao
-	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm hội nghị huyện Phù Ninh	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	3308a ngày 30/10/2018; 1403 ngày 09/9/2019	14.263	14200	6.396	7804	1.500	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc 3 tầng và nhà ăn Huyện ủy Cẩm Khê	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	4293/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	14.900			14.900	2.000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Trung tâm học tập cộng đồng và các hạng mục phụ trợ UBND xã An Đạo, huyện Phù Ninh	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	2230/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.297	4.297	1.800	2.490	500	UBND xã An Đạo, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, sửa chữa Hội trường, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ huyện ủy Thanh Thủy	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	2458/QĐ-UBND, 29/10/2019	11.985	8.500	4.000	7.985	2.000	Huyện ủy, huyện Thanh Thủy
-	Nhà làm việc hai tầng UBND xã Cát Trù, huyện Cẩm Khê	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	2740/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	1.694	1.674	900	774	500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, sửa chữa các công trình Huyện ủy Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	1220/QĐ-UBND ngày 29/5/2019	8.500	8.000	5.000	3.000	2.000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, sửa chữa Huyện ủy Hạ Hòa	Trụ sở tổ chức, cơ quan nhà nước	4463/QĐ-UBND, 24/10/2020	14.900			7.000	2.000	UBND huyện Hạ Hòa
5	Văn hóa - Xã hội - Y tế			353.577	222.097	149.150	61.382	26.959	
*	Công trình quyết toán, hoàn thành chờ quyết toán			44.420	44.420	43.588	832	832	



STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Tượng Đài Khánh tiết Bảo tàng Hùng Vương	Văn hóa Thể thao Du lịch	2662/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	461	461	396	65	65	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Dự án đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội tỉnh Phú Thọ	Y tế - Xã hội	587/QĐ-UBND, 28/02/2011	43.959	43.959	43.192	767	767	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Phú Thọ (Cơ sở 1)
*	Công trình, dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới			309.157	177.678	105.562	60.550	26.127	
-	Cải tạo, nâng cấp Bảo tàng Hùng Vương và Thư viện tỉnh Phú Thọ	Văn hóa Thể thao Du lịch	1102/QĐ-UBND ngày 27/5/2020; 2728/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	19.948	19.300	11.900	8.048	1.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Chi phí giải phóng mặt bằng Hạ tầng kỹ thuật tuyến du lịch xóm Lấp, các hang Thỏ Thần, hang Na và thác Lưng Trôi tại Vườn quốc gia Xuân Sơn	Văn hóa Thể thao Du lịch	4471/QĐ-UBND ngày 28/12/2010; 1538/QĐ-UBND ngày 19/3/2013; 2939/QĐ-UBND ngày 08/7/2020	84.725	46.595	17.000	3.818	1.827	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Hệ thống sân tập và hạ tầng kỹ thuật dùng chung tại Khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ	Văn hóa Thể thao Du lịch	2804/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.808	12.500	8.500	6.308	2.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ	Y tế - Xã hội	477/QĐ-UBND, 11/3/2020; 781/QĐ-UBND, 13/4/2020; 1365/QĐ-UBND, 26/6/2020	34.996	12.500	2.000	10.500	1.000	Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ
-	Dự án nâng cấp, mở rộng khu chăm sóc và phục hồi chức năng cho người mắc bệnh tâm thần, người rối nhiễu tâm trí thuộc trung tâm trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Phú Thọ	Y tế - Xã hội	2923/QĐ-UBND ngày 30/11/2015	65.111	37.238	33.600	3.000	1.500	Trung tâm hỗ trợ người tâm thần
-	Cải tạo nâng cấp một số công trình của trung tâm y tế tuyến huyện (Thanh Thủy, Yên Lập, Phú Ninh)	Y tế - Xã hội	3177/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	7.000			7.000	5.000	Sở Y tế
-	Xây dựng Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện (hạng mục: Sân vườn, đường BT nội bộ)	Văn hóa Thể thao Du lịch	3266/QĐ-UBND ngày 05/10/2017	2.241	2.241	1.940	300	300	Trung tâm Văn hóa, UBND huyện Lâm Thao
-	Xây dựng sân vận động huyện Thanh Sơn	Văn hóa Thể thao Du lịch	3373/QĐ ngày 30/10/2017	7.238	7.151	4.500	2.738	2.000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Đường du lịch Ao Châu (tuyến nhánh từ Bến thuyền Ao Châu nối đường dẫn cầu Hạ Hòa)	Văn hóa Thể thao Du lịch	1761/QĐ-UBND, 20/6/2013	14.153	14.153	11.564	2.589	2.500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nhà văn hóa công nhân lao động huyện Hạ Hòa	Văn hóa Thể thao Du lịch	4013/QĐ-UBND, 31/10/2016; 4273/QĐ-UBND, 15/11/2018	26.002	26.000	14.558	2.800	1.000	UBND huyện Hạ Hòa

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa và trung tâm học tập cộng đồng xã Vinh Tiền, huyện Tân Sơn	Văn hóa Thể thao Du lịch	5828/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	3.450			3.450	2.000	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp Sân vận động huyện Thanh Ba, huyện Thanh Ba	Văn hóa Thể thao Du lịch	2682/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.586			5.000	3.000	UBND huyện Thanh Ba
-	Sân vận động huyện Tam Nông, khu 6 thị trấn Hưng Hóa	Văn hóa Thể thao Du lịch	Số 3738/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	14.900			5.000	3.000	UBND huyện Tam Nông
6	Khu, cụm công nghiệp - Hạ tầng kỹ thuật khác			584.148	333.073	331.955	113.159	58.828	
*	Công trình quyết toán, hoàn thành chờ quyết toán			229.867	188.025	170.479	18.699	9.100	
-	Hạ tầng khu tái định cư vùng lũ quét khu 3A xã Mỹ Lung huyện Yên Lập	Hạ tầng kỹ thuật	1535/QĐ-UBND ngày 01/6/10; 3597/QĐ-UBND ngày 11/11/11	22.446	17.969	17.402	567	100	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Khu tái định cư di dân ra khỏi vùng ảnh hưởng nhiễm xạ và thiên tai xã Đông Cứu huyện Thanh Sơn	Hạ tầng kỹ thuật	Số 1344/QĐ-UBND ngày 22/6/2015	24.922	24.922	23.150	1.772	400	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Phát triển hạ tầng khung xã Định Quả, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn (thuộc địa phận xã Võ Miếu)	Hạ tầng kỹ thuật	4061/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	12.695	8.000	8.000	1.902	1.500	UBND huyện Thanh Sơn
-	Khu tái định cư di dân vùng bị lún sụt đất xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba (giai đoạn 1)	Hạ tầng kỹ thuật	517/QĐ-UBND ngày 28/02/2013	113.845	81.175	79.025	1.400	1.400	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Phú Thọ	Công nghiệp - Khu cụm công nghiệp	2434/QĐ-UBND ngày 17/9/2012; 2983/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	52.340	52.340	42.483	9.857	3.000	Sở Công Thương
-	Sửa chữa, nâng cấp Sở chỉ huy cơ bản AP-05 năm 2018	Quốc phòng - An ninh	17/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.000	3.000		3.000	2.500	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
-	Sửa chữa nâng cấp để duy trì sản xuất của nhà máy chế biến phế thải đô thị Việt Trì	Tài nguyên - Môi trường	2803/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	619	619	419	200	200	Công ty CP xử lý chất thải Phú Thọ
*	Công trình, dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới			354.281	145.048	161.476	94.460	49.728	
-	Tuyến đường vào cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba	Công nghiệp - Khu cụm công nghiệp	2779/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	31.905	27.710	27.500	4.000	1.800	UBND huyện Thanh Ba
-	Sửa chữa thảm mạt đường tuyến D6-1A' KCN Thụy Vân	Công nghiệp - Khu cụm công nghiệp	2152/QĐ-UBND ngày 28/8/2019	14.881	4.650	3.500	10.000	2.386	Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ Khu công nghiệp
-	Khu tái định cư B1 Văn Phú	Công nghiệp - Khu cụm công nghiệp	3731/QĐ-UBND ngày 28/10/2002	3.635	3.414	3.020	394	394	Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ Khu công nghiệp



STT	Tên danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Nhà liên kết đào tạo phục vụ hoạt động của Trung tâm phát triển hạ tầng DV KCN	Công nghiệp - Khu cụm công nghiệp	2748/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.512	2.192	3.000	512	500	Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ Khu công nghiệp
-	Cải tạo, nâng cấp đường đi Cụm công nghiệp Tân Phú, huyện Tân Sơn	Công nghiệp - Khu cụm công nghiệp	1594/QĐ-UBND, 15/3/2018	14.946	14.946	7.950	6.996	2.000	UBND huyện Tân Sơn
-	Khu tái định cư khu Dừng, thuộc Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án: Hồ chứa nước ngòi Giành, tỉnh Phú Thọ	Hạ tầng kỹ thuật	3306/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	25.572	25.000	10.000	4.181	4.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Thanh Nga, huyện Cẩm Khê để GPMB thi công xây dựng công trình: Đường từ QL32C vào KCN Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê (đoạn từ nút 12 đến nút 19)	Hạ tầng kỹ thuật	08/QĐ-UBND ngày 05/01/2017	9.591	9.000	6.000	1.335	348	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh
-	Khắc phục hệ thống thoát nước khu vực nội thị tuyến Sa Đéc - Long Xuyên, thị xã Phú Thọ	Hạ tầng kỹ thuật	3414/QĐ-UBND ngày 20/10/2019	10.500	5.000	1.000	9.500	5.000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Sửa chữa hệ phố quốc lộ 70B, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ (đoạn từ Bến xe cũ đến trường THPT Yên Lập)	Hạ tầng kỹ thuật	QĐ 2245 ngày 20/9/2019	14.658	14.600	7.000	7.600	2.000	UBND huyện Yên Lập
-	Trụ sở làm việc khối cảnh sát thuộc Công an tỉnh Phú Thọ	Quốc phòng - An ninh	1300/QĐ-BCA-H41 ngày 19/4/2011; 3531/QĐ-BCA-H41 ngày 05/10/2017	109.000		70.000	7.000	7.000	Công an tỉnh
-	Cải tạo, nâng cấp Hội trường - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Quốc phòng - An ninh	1275/QĐ-UBND ngày 17/6/2020	1.182	1.100	182	500	500	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu Khu xử lý chất thải rắn Trạm Thán, huyện Phù Ninh (xây dựng kết cấu mặt đường)	Tài nguyên - Môi trường	3688/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	42.038	4.975		4.900	4.000	Sở Xây dựng
-	Cải tạo, nâng cấp chính trang đô thị Thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn	Hạ tầng kỹ thuật	1634/TTr-UBND ngày 16/11/2020	15.000			5.000	2.000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Sửa chữa hệ phố thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh (đoạn từ ngã tư Trại Tây đến ngã ba Phù Lỗ và các nhánh rẽ)	Hạ tầng kỹ thuật	3322/QĐ-UBND, 31/10/2018	9.466	9.466	4.300	5.166	1.500	UBND thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh
-	Cải tạo sửa chữa hạ tầng kỹ thuật thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa	Hạ tầng kỹ thuật	4013/QĐ-UBND, 31/10/2016; 4273/QĐ-UBND, 15/11/2018	9.976	9.976	5.976	4.000	2.000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Xử lý khắc phục môi trường do ảnh hưởng của hệ thống thoát nước khu vực nội thị thị xã Phú Thọ tuyến rãnh thoát nước đường Cao Bang, đường Hòa Bình, đường Lê Văn Hưu, đường Đền Đõm, đường Cao Du	Tài nguyên - Môi trường	5342/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	14.568	13.019	8.168	6.400	5.000	UBND thị xã Phú Thọ

STT	Tên, danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư		Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Nhu cầu năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
-	Đường nội bộ cụm công nghiệp làng nghề phía Nam huyện Thanh Ba	Công nghiệp - Khu cụm công nghiệp	2681/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	8.195			6.000	1.500	UBND huyện Thanh Ba
-	Khuân viên đường hành lễ, đình Hữu Bộ Thượng, xã Phùng Nguyên, huyện Lâm Thao	Hạ tầng kỹ thuật	4301/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	800				600	UBND xã Phùng Nguyên, huyện Lâm Thao
-	Cải tạo, nâng cấp sửa chữa vỉa hè khu vực thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba	Hạ tầng kỹ thuật	3046/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; 2392/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	14.856		3.880	10.976	7.200	UBND huyện Thanh Ba



CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

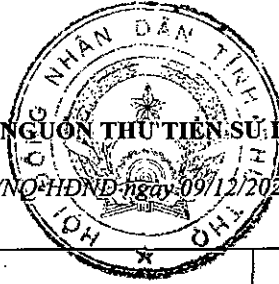
STT	Tên, danh mục dự án	Dự kiến KH 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
	TỔNG SỐ	22.000	
1	Đường dẫn đầu cầu Vĩnh Phú trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	5.000	Sở Giao thông vận tải
2	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất các trường THPT đạt chuẩn Quốc gia năm 2021 (các trường THPT: Minh Hòa, Xuân Áng, Việt Trì, Quế Lâm, Thanh Thủy)	11.000	Các trường THPT: Minh Hòa, Xuân Áng, Việt Trì, Quế Lâm, Thanh Thủy
3	Đầu tư gia cố hệ thống đê điều, thủy lợi xuống cấp năm 2021 trên địa bàn xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, xã Phượng Vỹ, huyện Cẩm Khê, xã Vân Du, huyện Đoan Hùng	6.000	Sở Nông nghiệp và PTNT

CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN THU XỔ SỞ KIẾN THIẾT NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên, danh mục dự án	Dự kiến KH 2021	Ghi chú (Chủ đầu tư)
	TỔNG SỐ	22.000	
1	Cải tạo, sửa chữa ký túc xá nhà N4B, giảng đường 500 chỗ, giảng đường giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Hùng Vương	1.000	Trường Đại học Hùng Vương
2	Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025	5.000	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất các trường THPT đạt chuẩn Quốc gia năm 2021 (các trường THPT: Minh Hòa, Xuân Áng, Việt Trì, Quế Lâm, Thanh Thủy)	11.000	Các trường THPT: Minh Hòa, Xuân Áng, Việt Trì, Quế Lâm, Thanh Thủy
4	Cải tạo nâng cấp một số công trình của trung tâm y tế tuyến huyện (Thanh Thủy, Yên Lập, Phù Ninh)	5.000	Sở Y tế



Biểu số 07

CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH ĐƯỢC HƯỞNG NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên, danh mục dự án	Dự kiến KH 2021		Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh được hưởng	
	TỔNG SỐ	305.200	272.000	
1	Trả các khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính Phủ	22.700	22.700	
2	Trả nợ Ngân hàng Phát triển	41.000	7.800	Còn lại 33.200 triệu đồng từ nguồn bội thu NSDP
3	Trả nợ hợp đồng BT cầu Đồng Quang	30.000	30.000	
4	Chi lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	50.000	50.000	
5	Bố trí triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	10.000	10.000	
6	Đối ứng các dự án ODA	13.000	13.000	
7	Đường dẫn đầu cầu Vĩnh Phú trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	5.000	5.000	
8	Đầu tư gia cố hệ thống đê điều, thủy lợi xuống cấp năm 2021 trên địa bàn xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, xã Phượng Vỹ, huyện Cẩm Khê, xã Vân Du, huyện Đoan Hùng	6.000	6.000	
9	Bố trí cho các công trình, dự án khác (UBND tỉnh phân bổ chi tiết cho các dự án tại Biểu số 04)	127.500	127.500	